

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15-02-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3090/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 292/TB-TA ngày 22 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đào Văn A, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số 374 B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Võ Thị Thanh E, sinh năm 1971; nơi cư trú: Hungary; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 09-01-2018, bản tự khai ngày 18-01-2018, ngày 18-4-2018 và các văn bản khác, nguyên đơn là anh Đào Văn A trình bày: Anh A và chị E kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Hungary ngày 14-8-1996. Sau khi kết hôn, anh A và chị E chung sống tại Hungary được một năm (1997) thì anh A phải về Việt Nam. Chị E và con chung tiếp tục sống tại Hungary, đã được cấp Giấy định cư lâu dài và có Quốc tịch Hungary. Đến năm 2008, quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, nơi chung sống. Anh A đã nhiều lần thuyết phục chị E về Việt Nam chung sống để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị E không đồng ý. Kể từ năm 2008 cho đến nay, hai bên đã sống ly thân, không còn liên lạc và quan tâm đến nhau và nhiều năm nay hôn nhân giữa anh A và chị E không còn ý nghĩa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh A và chị E được ly hôn để hai bên có cơ hội tạo dựng cuộc sống mới.

Về quan hệ nuôi con chung: Anh A trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Đào G, sinh ngày 27-10-1996, hiện con chung đã trưởng thành và đang sinh sống cùng chị E tại Hungary nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Anh A tự thỏa thuận với chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh A trình bày, nhiều năm nay anh A và chị E đã sống ly thân, chị E không về nước; quan hệ vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không bất đồng quan điểm sống, cách sống và bất đồng việc lựa chọn nơi sinh sống nên đề nghị Tòa án cho anh A được ly hôn với chị E để hai bên có điều kiện tìm hạnh phúc khác. Anh A và chị E có một con chung. Anh A đã trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con chung học hết lớp 9 thì tiếp tục sang Hungary sinh sống cùng chị E. Nay con chung đã trưởng thành nên anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A đối với chị E; về quan hệ nuôi con chung: Anh A và chị E có 01 con chung là Đào G, sinh năm 1996, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết; về quan hệ tài sản chung: Anh A không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều

469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị E vắng mặt tại phiên tòa. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo việc Tòa án đang giải quyết việc xin ly hôn giữa anh A và chị E, đồng thời đề nghị chị E cho biết quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A. Ngày 26-4-2018, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 948/CH-BTP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tư pháp về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án cho Bộ Tư pháp nước Cộng hòa Hungary để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp. Nhưng đến thời điểm mở phiên tòa lần thứ nhất ngày 18-10-2018, Tòa án vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác. Ngay sau khi hoãn phiên tòa, ngày 18-10-2018, Tòa án đã có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài; đã thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao ngày 27-10-2018. Cho đến nay đã hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày có văn bản gửi Bộ Tư pháp nhưng Tòa án vẫn không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tổng đạt cho chị E ở nước ngoài. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị E theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Hungary ngày 14-8-1996 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh A và chị E chung sống tại Hungary được một năm thì anh A phải về nước do không còn được phép lưu trú tại Hungary. Quan hệ vợ chồng bình thường cho đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh A và chị E không thống nhất được nơi chung sống; do trở ngại về khoảng cách địa lý giữa hai bên, do bất đồng quan điểm sống nên gần mười năm nay hai bên không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh A có yêu cầu được ly hôn với chị E, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh A phù hợp với tình trạng thực tế gia đình, mối quan hệ giữa hai bên và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Quá trình chung sống anh A và chị E có 01 con chung là Đào G, sinh ngày 27-10-1996. Hội đồng xét xử xét thấy, anh A không yêu cầu giải quyết và hiện con chung đã đến tuổi thành niên nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh A trình bày tự thỏa thuận với chị E, không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm:

[6] Anh A phải chịu án phí ly hôn và chi phí tố tụng sơ thẩm theo quy định pháp luật - Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Văn A được ly hôn với chị Võ Thị Thanh E.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Anh Đào Văn A xác nhận anh và chị Võ Thị Thanh E có 01 con chung là Đào G, sinh ngày 27-10-1996 đã thành niên; không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Anh A trình bày tự thỏa thuận với chị E, không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Đào Văn A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010589 ngày 18-01-2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đào Văn A phải chịu tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010660 ngày 02-3-2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đào Văn A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Đào Văn A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án, chị Võ Thị Thanh E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:

- Dương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Phương

